ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 102 /BC- ĐHKTNA

Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO TỶ LỆ SINH VIÊN THI LẠI
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2019 - 2020

Thực hiện kế hoạch số 863/QĐ- ĐHKTNA ngày 17/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động năm học 2019-2020 của Phòng Thanh tra- KT &QLCL. Phòng đã tiến hành kiểm tra và tổng hợp số liệu tỷ lệ sinh viên thi lại trong học kỳ 1 năm học 2019 - 2020, kết quả như sau:

1. Khoa Kế toán - Phân tích

TT	Môn thi	Lớp/ngành	Thi lần 1	Thi lần 2	Tỷ lệ thi lại
1	Kế toán TC 3	ĐH Kế toán K4	98	13	13%
2	Kế toán TC	ĐH QTKD K4	23	3	13%
3	Kế toán quản trị	ĐH Kế toán, QTKDK3	235	46	20%
4	Kế toán công	ĐH Kế toán K3	202	26	13%
5	Kế toán TC 1	ĐH Kế toán K5	81	4	5%
6	Thực hành KTTC	ĐH Kế toán K4	98	19	19%
Kế toán	**6/23 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**737**	**111**	**15%**
1	Thống kê DN	ĐH khóa 5	109	26	24%
2	Phân tích HĐKD	ĐH Kế toán K3	201	29	14%
Phân tích	**2/4 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**310**	**55**	**18%**
1	Lý thuyết kiểm toán	ĐH Kế toán K3	191	27	14%
2	Kiểm toán BCTC	ĐH Kế toán K3	200	31	16%
3	Lý thuyết kiểm toán	ĐH Kế toán K4	98	5	5%
Kiểm toán	**3/7 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**489**	**63**	**13%**
Tổng	**11/34 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**1536**	**229**	**15%**

2. Khoa Kinh tế- QTKD

TT	Môn thi	Lớp/ngành	Thi lần 1	Thi lần 2	Tỷ lệ thi lại
1	Kinh tế vi mô 1	ĐH Kinh tế K5	8	2	25%
2	Phân tích chính sách KTXH	ĐH Kinh tế K3	7	1	14%
3	Kinh tế vĩ mô	ĐH Kế toán K4	100	5	5%
4	Kinh tế ngành	ĐH Kinh tế K3	7	1	14%
5	Kinh tế quốc tế	ĐH Kinh tế K5	10	1	10%

6	Kinh tế lượng	ĐH Kinh tế K5	7	2	29%
7	Kinh tế vi mô	ĐH Kế toán K5	121	11	9%
Kinh tế	**7/34 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**260**	**23**	**9%**
1	Quản trị chất lượng	ĐH QTKD K3	37	6	16%
2	Kỹ năng quản trị	ĐH QTKD K4	23	3	13%
3	Quản trị TCDN	ĐH QTKD K3	38	6	16%
4	Quản lý dự án đầu tư	ĐH QTKD K3	41	23	56%
5	Quản trị học	ĐH chính quy K5	110	9	8%
6	Quản trị nhân lực	ĐH QTKD K4	22	1	5%
Quản trị	**6/34 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**271**	**48**	**18%**
Tổng	**13/68 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**531**	**71**	**13%**

3. Khoa Nông - Lâm - Ngư

TT	Môn thi	Lớp/ngành	Thi lần 1	Thi lần 2	Tỷ lệ thi lại
1	Mô học 1	ĐH Thú y K5	17	1	6%
2	Vi sinh vật ĐC	ĐH Thú y K5	19	3	16%
3	Bệnh nội khoa TY 1	ĐH Thú y K3	69	17	25%
4	Bệnh truyền nhiễm TY 1	ĐH Thú y K3	66	6	9%
5	Vệ sinh thú y	ĐH Thú y K3	69	2	3%
6	Vi sinh vật TY 1	ĐH Thú y K4	45	23	51%
7	Dinh dưỡng ĐV - TĂCN	ĐH Thú y K4	43	3	7%
8	Ký sinh trùng TY 2	ĐH Thú y K3	69	13	19%
9	Giải phẫu vật nuôi 1	ĐH Thú y K5	17	8	47%
10	Dược liệu học TY	ĐH Thú y K4	44	4	9%
11	Sinh sản gia súc 2	ĐH Thú y K3	71	3	4%
12	Chăn nuôi trâu bò	ĐH Thú y K3	69	2	3%
13	Bệnh truyền nhiễm TY 2	ĐH Thú y K3	71	8	11%
14	Bệnh nội khoa TY 2	ĐH Thú y K3	71	13	18%
15	Bệnh ngoại khoa	ĐH Thú y K3	71	1	1%
16	Chăn nuôi lợn	ĐH Thú y K4	45	4	9%
17	Chẩn đoán bệnh TY	ĐH Thú y K4	40	7	18%
18	Sinh sản gia súc 1	ĐH Thú y K4	43	5	12%
19	Vi sinh vật TY 2	ĐH Thú y K4	42	2	5%
20	Giải phẫu vật nuôi 2	ĐH Thú y K5	16	1	6%
Chăn nuôi TY	**20/40 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**997**	**126**	**13%**
1	Hóa sinh đại cương	ĐH Thú y K5	19	2	11%
2	Hóa sinh động vật	ĐH Thú y K5	19	8	42%
Trồng trọt	**2/20 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**38**	**10**	**26%**
Đất đai	**0/11 môn có SV thi lại**		**204**	**0**	**0%**
Tổng	**22/71 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**1239**	**136**	**11%**

4. Khoa Cơ sở

TT	Môn thi	Lớp/ngành	Thi lần 1	Thi lần 2	Tỷ lệ thi lại
1	Toán kinh tế	ĐH khóa 5	121	28	23%
2	Tin học ĐC	ĐH khóa 5	92	2	2%
3	Toán cao cấp	ĐH khóa 6	93	5	5%
KHTN	**3/14 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**306**	**35**	**11%**
1	Pháp luật đại cương	ĐH khóa 6	94	11	12%
2	Văn bản trong quản lý	ĐH khóa 6	98	2	2%
KHXH	**2/4 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**192**	**13**	**7%**
1	Tiếng anh 1	ĐH khóa 6	87	1	1%
2	Tiếng anh chuẩn đầu ra	ĐH khóa 3	338	57	17%
3	Tiếng anh CN	ĐH Kế toán K4	105	1	1%
Ng. ngữ	**3/14 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**530**	**59**	**11%**
1	Giáo dục thể chất 2	ĐH khóa 5	139	7	5%
2	Giáo dục thể chất 1	ĐH khóa 6	92	6	7%
Thể dục	**2/13 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**231**	**13**	**6%**
Tổng	**10/45 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**1259**	**120**	**10%**

5. Khoa Lý luận chính trị

TT	Môn thi	Lớp/ngành	Thi lần 1	Thi lần 2	Tỷ lệ thi lại
1	Lịch sử HTKT	ĐH chính quy K5	106	7	7%
Nguyên lý	**1/9 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**106**	**7**	**7%**
1	Đường lối CM	ĐHLT K4 Nghĩa Đàn	26	2	8%
2	Đường lối CM	ĐH chính quy K4	162	18	11%
Tư tưởng	**2/7 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**188**	**20**	**11%**
Tổng	**3/16 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**294**	**27**	**9%**

6. Khoa Tài chính Ngân hàng

TT	Môn thi	Lớp/ngành	Thi lần 1	Thi lần 2	Tỷ lệ thi lại
1	Thuế Nhà nước	ĐH chính quy K4	126	16	13%
2	Tài chính DN 1	ĐH Kế toán, QTKDK5	105	18	17%
Tài chính	**2/10 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**231**	**34**	**15%**
1	Tài chính công	ĐH Kế toán K3	192	36	19%
2	Nghiệp vụ NHTM	ĐHLTCQ Kế toán K5.02	62	2	3%
3	Tài chính công	ĐHLTCQ Kế toán K5.02	61	4	7%
4	Tài chính công	ĐH Kế toán K4	99	8	8%
NHBH	**4/8 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**414**	**50**	**12%**
Tổng	**6/18 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**645**	**84**	**13%**
Trường	**65/252 môn có SV thi lại**	**Số lượt SV thi lại/thi đi**	**5504**	**667**	**12%**

Nhận được văn bản này, Ban giám hiệu đề nghị các khoa, tổ bộ môn tổ chức họp chuyên môn, đánh giá phân tích nội dung bộ đề thi, từ đó rà soát nội dung giảng dạy để đưa ra các giải pháp trong đổi mới phương pháp và nội dung giảng dạy cũng như cách thức kiểm tra, đánh giá người học phù hợp. Trên cơ sở đó, các tổ bộ môn rà soát, chỉnh sửa, xây dựng và hoàn thiện đề cương tín chỉ, ngân hàng đề thi đảm bảo đánh giá người học một cách toàn diện, khách quan, công bằng đạt chuẩn đầu ra đã quy định.

NGƯỜI TỔNG HỢP	TP. THANH TRA KT&QLCL	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Lê Thanh Huyền	Đinh Thị Thu Hương	Nguyễn Thị Mai Anh

Nơi nhận:
- *BGH (để chỉ đạo);*
- *Phòng QLĐT, CTSV (để ph/h thực hiện);*
- *Các khoa (để thực hiện);*
- *Lưu: P.TT-KT&QLCL.*